

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2017/HSST
Ngày 10 tháng 7 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1, Bà Nguyễn Thị Vượng

2, Bà Hoàng Thị Hồng

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà Lê Thị Thảo - Cán bộ Toà án nhân dân Thành phố B

- *Đại diện VKSND thành phố B tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Xuân Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở, Toà án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 76/2017/HSST ngày 06 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1986; nơi cư trú: Trại P, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: 10/12; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1955; con bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1963; gia đình bị cáo có 3 anh chị em, bị cáo là thứ ba; vợ là Trần Thị T, sinh năm 1988; có hai con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án số 03/2014/HSST ngày 15/01/2014, Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xử phạt 05 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” (số tiền đánh bạc là 10.457.000 đồng), phạt bổ sung 4.000.000 đồng, án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (đã chấp Hành xong hình phạt bổ sung và án phí vào ngày 28/11/2014).

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/4/2017. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt tại phiên toà)

*** Người bị hại:** Anh Nguyễn Đức C, sinh năm 1991, trú tại: Thôn P, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1976 và chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1989, cùng trú tại: Số nH S, khu A, phường P, thị xã U, tỉnh Quảng Ninh. (Vắng mặt)

- Chị Vũ Thị Thúy H, sinh năm 1970, trú tại: Tổ dân phố Z, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nguyễn Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 06/4/2017, Nguyễn Văn T đến cửa hàng game “HNBG” ở tổ N, phường X, thành phố B chơi điện tử. Khoảng 30 phút sau T không chơi nữa và ra về. Khi ra khỏi cửa quán, T phát hiện thấy một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda-Wave, sơn màu đồng biển kiểm soát 98B1-719.69 của anh Nguyễn Đức C, sinh năm 1991, trú tại thôn P, xã X, huyện đang dựng sát tường bên trái cửa quán game. T đi đến dùng tay lắc đầu xe thì phát hiện thấy xe không khóa cổ, không có khóa càng. Thấy vậy, T nảy sinh ý định trộm cắp. T ngồi xuống phía trước đầu xe mô tô, lấy 01 con dao gấp bằng kim loại (phần chuôi dài 10 cm, phần lưỡi có đầu nhọn dài 07 cm) cầm ở tay phải. T dùng tay trái kéo cụm giắc dây điện của ổ khóa điện (phía sau mặt nạ xe), tay phải dùng dao cắt đứt dây mát (dây màu trắng có viền sọc đen). Sau đó, T dùng hai tay quay đầu xe lại, ngồi lên xe, đạp nổ máy và đi thẳng đến khu vực phường Đình Kế, thành phố B. Tại đây, T gọi cho bạn ngoài xã hội là anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1976 ở số nH 165, khu 6, phường Đức Chính, thị xã Đồng Triều, tỉnh Quảng Ninh hỏi muốn đặt xe vay tiền, anh T đồng ý. Khoảng 18 giờ cùng ngày, T đi xe mô tô đến gặp anh T. Tại đây, T vay anh T số tiền 4.000.000 đồng và để lại chiếc xe 98B1-719.69 làm tin.; T không nói cho anh T biết đó là chiếc xe do trộm cắp mà có. Số tiền 4.000.000 đồng T khai đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 06/4/2017, anh Nguyễn Đức C trình báo Công an phường Thọ Xương.

Đến ngày 07/4/2017, Nguyễn Văn T đến Công an phường Thọ Xương đầu thú, giao nộp 01 con dao gấp bằng kim loại (phần chuôi dài 10cm, phần lưỡi có đầu nhọn dài 07cm) và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu dùng để trộm cắp xe và 01 chiếc điện thoại di động Mobistar-B242, vỏ màu vàng, số imei 352242026409310 bên trong máy có lắp một sim mobiphone và một sim Viettel.

Ngày 08/4/2017, sau khi được Cơ quan điều tra thông báo, chị Nguyễn Thị Đ là vợ của anh T đã giao nộp chiếc xe mô tô 98B1-719.69 cho Cơ quan điều tra.

Ngày 09/4/2017, Cơ quan điều tra khám nghiệm hiện trường vụ án, thu giữ hình ảnh từ camera giám sát an ninh của gia đình chị Đặng Thị Thu sinh năm 1988 trú tại Tổ dân phố Z, phường T, thành phố B (nH chị Thu đối diện quán Hưng Nét BG).

Ngày 11/4/2017, Cơ quan điều tra đã thực hiện điều tra, kết quả Nguyễn Văn T đã thực hiện lại từng động tác như đã khai nhận tại Cơ quan điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 27/KL-HĐĐG ngày 10/4/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, sơn màu đồng, biển kiểm soát 98B1-719.69, số khung: 635118, số máy: 3434337, xe cũ đã qua sử dụng có giá trị là 10.000.000 đồng.

Ngày 27/4/2017, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho anh Nguyễn Đức C. Đến nay anh C không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

Đối với anh Nguyễn Duy T có Hành vi nhận giữ chiếc xe 98B1-719.69 và cho T vay tiền nhưng anh không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có nên anh T không vi phạm pháp luật. Đối với số tiền cho T vay, anh T đề nghị tự thỏa thuận với T, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T đã khai nhận Hành vi phạm tội.

Tại bản cáo trạng số: 82/KSĐT ngày 05 tháng 6 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ Hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu trên.

Người bị hại là anh Nguyễn Đức C vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra như sau: Ngày 06/4/2017, anh bị kẻ gian trộm cắp tài sản là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, sơn màu đồng, biển kiểm soát 98B1-719.69. Sau đó anh đã trình báo Công an phường Thọ Xương. Ngày 27/4/2017, anh đã được Cơ quan điều tra trả lại chiếc xe nên nay anh không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Duy T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra như sau: Anh và T có quen biết xã hội với nhau từ tháng 3 năm 2017. Ngày 06/4/2017, anh nhận được điện thoại của T nhờ đi cầm cố hộ chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B1-719.69. Do T không có giấy tờ xe nên anh không đưa T đi cầm cố mà cho T vay 4.000.000 đồng. T để lại cho anh chiếc xe mô tô trên để làm tin, hẹn vài ngày sau quay lại lấy và trả tiền. Sau này, biết chiếc xe trên do phạm tội mà có, vợ anh đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra. Đối với số tiền 4.000.000 đồng, do bị cáo T không có khả năng hoàn trả nên anh không có yêu cầu gì đối với bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra như sau: Sau khi được cơ quan điều tra thông báo về chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B1-719.69 mà chồng chị đang để ở nhà là tài sản do trộm cắp mà có, ngày 08/4/2017 chị đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra chiếc xe mô tô trên. Nay chị không có đề nghị hay yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Vũ Thị Thúy H vắng mặt tại phiên toà nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra như sau: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, sơn màu đồng, biển kiểm soát 98B1-719.69 là của chị, chị cho con rể là Nguyễn Đức C mượn sử dụng làm phương tiện đi lại. Ngày 06/4/2017, chiếc xe trên đã bị kẻ gian lấy cắp. Nay đã nhận lại xe, chị không có yêu cầu hay đề nghị gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “ Trộm cắp tài sản ”.
2. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 14 tháng đến 16 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 08/4/2017.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy lấy 01 con dao gấp bằng kim loại (phần chuôi dài 10cm, phần lưỡi có đầu nhọn dài 07cm)

- Trả lại bị cáo T 01 chiếc điện thoại di động Mobiistar-B242, vỏ màu vàng, số imei 352242026409310 bên trong máy có lắp một sim mobiphone và một sim viettel nhưng tạm giữ để đảm bảo thi Hành án.

4. Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo T do bị cáo thuộc diện hộ nghèo.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY:

Lời khai của bị cáo tại phiên toà hôm nay phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 16 giờ ngày 06/4/2017 tại cửa Hng game “HNBG” ở tổ N, phường X, thành phố B, Nguyễn Văn T có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 98B1-719.69 có giá trị là 10.000.000 đồng của anh Nguyễn Đức C sinh năm 1991 trú tại thôn P, xã X, huyện , tỉnh Bắc Giang.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo theo tội danh và Điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ. Chỉ vì lợi ích trước mắt, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong nội bộ quần chúng nhân dân. Do vậy cần phải xử nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu. Năm 2014, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xét xử hình sự về tội “Đánh bạc” nhưng không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội, chứng tỏ bị cáo là kẻ coi thường pháp luật. Do vậy, cần phải có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách li bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, biết tuân thủ pháp luật.

Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi phạm tội, bị cáo đã ra đầu thú tại cơ quan Công an. Do vậy, cần áp dụng các tình tiết quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào qui định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

* Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

* Về vật chứng của vụ án:

- 01 con dao gấp bằng kim loại (phần chuôi dài 10cm, phần lưỡi có đầu nhọn dài 07cm) là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 chiếc điện thoại di động Mobiistar-B242, vỏ màu vàng, số imei 352242026409310 bên trong máy có lắp một sim mobiphone và một sim viettel là của bị cáo, bị cáo sử dụng để liên lạc cá nhân, không liên quan đến việc phạm tội, nay bị cáo có yêu cầu được nhận lại do vậy cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/4/2017.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy lấy 01 con dao gấp bằng kim loại (phần chuôi dài 10cm, phần lưỡi có đầu nhọn dài 07cm).

- Trả lại bị cáo T 01 chiếc điện thoại di động Mobiistar-B242, vỏ màu vàng, số imei 352242026409310 bên trong máy có lắp một sim mobiphone và một sim viettel nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231; Điều 234 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TP. B;
- Công an TP. B;
- Chi cục THADS TP. B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương Giang

